

ĐÁM CƯỚI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHMER Ở TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thị Hoàng Phương

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: nthphuong@agu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 20/02/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 18/3/2020; Ngày duyệt đăng: 23/3/2020

Tóm tắt

Đám cưới là một trong những nghi lễ vòng đời quan trọng của mỗi cá nhân. An Giang là nơi tụ cư của bốn dân tộc Kinh - Hoa - Chăm và Khmer, mỗi dân tộc có những hình thức riêng trong việc tổ chức đám cưới. Đám cưới truyền thống của người Khmer An Giang được xem là một hiện tượng độc đáo trong văn hóa của cộng đồng người Khmer, đám cưới diễn ra theo trình tự từ lễ dạm hỏi - lễ ăn hỏi - lễ cưới. Bài viết nhằm hướng đến việc bảo tồn các giá trị tốt đẹp mang tính chất truyền thống trong đám cưới của người Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang.

Từ khóa: Đám cưới truyền thống, người Khmer An Giang, nghi lễ vòng đời, bảo tồn.

KHMER'S TRADITIONAL WEDDING IN AN GIANG PROVINCE

Nguyen Thi Hoang Phuong

An Giang University, Viet Nam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: nthphuong@agu.edu.vn

Article history

Received: 20/02/2020; Received in revised form: 18/3/2020; Accepted: 23/3/2020

Abstract

Wedding is one of the important ceremonials of human life. An Giang is a shared settlement for four ethnic groups of Kinh - Hoa - Cham and Khmer. Each group has its own ways of wedding celebration. The An Giang Khmer's traditional wedding is deemed a unique event in the Khmer's culture. It sequentially begins with a meeting ritual, followed by engagement party and wedding party. The article is addressed to preserve the great values of the Khmer's traditional wedding in An Giang province.

Keywords: Traditional wedding, Khmer in An Giang, lifetime ritual, preserve.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.9.2.2020.776>

Trích dẫn: Nguyễn, T. H. P. (2020). Đám cưới truyền thống của người Khmer ở tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 9(2), 42-51. <https://doi.org/10.52714/dthu.9.2.2020.776>.

1. Đặt vấn đề

An Giang là một tỉnh thuộc vùng Tây Nam Bộ. “An Giang có diện tích tự nhiên là 3.424 km², với 04 dân tộc anh em sinh sống: Kinh, Khmer, Chăm, Hoa” (Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, 2013, tr. 25). Tính đến ngày 1/4/2019, dân số toàn tỉnh An Giang có 1.908.302 người. Ngoài dân tộc Kinh chiếm đa số còn có 28 dân tộc thiểu số chiếm khoảng 114.728 người (trong đó người dân tộc Khmer là 86.592 người, Chăm 13.722 người, Hoa 14.318 người và 25 dân tộc thiểu số còn lại khoảng dưới 96 người) (Ban Dân tộc tỉnh An Giang, 2019, tr. 2).

Trong các dân tộc sinh sống ở An Giang, dân tộc Khmer là tộc người cư trú lâu đời nhất và có một nền văn hóa truyền thống với nhiều phong tục, tập quán đặc sắc. Với bề dày lịch sử, văn hóa của người Khmer An Giang nói riêng và người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long nói chung trong quá khứ và hiện tại có vai trò rất quan trọng góp phần thêm tính đặc sắc và đa dạng của văn hóa Việt Nam, thể hiện thông qua các lễ hội, tín ngưỡng như: lễ Chol Chnam Thmey, lễ Ok Om-bok, lễ Nhập hạ, lễ Dolta. Tất cả yếu tố đó, đều có ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Xác định điều này, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, đưa ra nhiều chủ trương, chính sách để thực hiện công tác bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống của các dân tộc. Tại Điều 05 của Hiến pháp năm 1992 có nêu: “Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của mình”; Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ VII (Khóa IX) nêu rõ: “Giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất”; Chỉ thị số: 194/CT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra ngày 20 tháng 10 năm 2011 về việc triển khai thực hiện Đề án: “Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”... Như vậy, việc nghiên cứu và bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống của người dân tộc thiểu số

ở Việt Nam nói chung và dân tộc Khmer tỉnh An Giang nói riêng qua “Đám cưới truyền thống của người Khmer ở tỉnh An Giang” là vấn đề hết sức cần thiết, phù hợp đúng theo chủ trương của Đảng và chính sách Nhà nước ta hiện nay.

2. Các nghi thức trong đám cưới truyền thống

Tục ngữ Khmer có câu “Bánh không lớn hơn khuôn”(Ban Chỉ đạo phong trào đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Tri Tôn, 2006, tr. 61). Ngụ ý, trong hôn nhân con cái không được phép tự ý lựa chọn mà phải do cha mẹ quyết định. Hôn nhân của người Khmer An Giang từ năm 1980 trở về trước phần nhiều cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, qua nhiều hình thức như: cha mẹ hai bên hứa hôn khi hai trẻ còn nhỏ, cha mẹ nhờ mai mối, hai trẻ quen biết rồi tiến đến kết hôn.

Theo Hòa thượng Danh Thiệp - Trụ trì chùa SerayMeangKolSakor (xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang): “Xưa kia độ tuổi kết hôn của người Khmer An Giang thông thường nam từ 18, nữ 16 và có trường hợp tuổi 14 hay 15”.

Trước đây, trong hôn nhân người Khmer thường khuyến khích kết hôn trong dòng tộc, đặc biệt đối với gia đình giàu có nhằm giữ tài sản, không cho tài sản lọt ra ngoài dòng tộc. Trong việc kết hôn dòng tộc, người Khmer không kết hôn với người vai trên như: chú, cô, dì, anh, chị, em ruột. Ngoài ra, người Khmer rất xem trọng vấn đề tuổi tác và hiện nay vẫn còn lưu giữ tập tục này. Xưa kia, nếu xem tuổi của hai người không hợp, Achar Plia và gia đình hai bên sẽ không cho tiến hành đám cưới. Trường hợp hai người không thể xa nhau, thì cùng nhau rời khỏi gia đình. Nếu sau này quay về, gia đình tổ chức một buổi tiệc hay đám cưới nho nhỏ (Trong đám cưới, người ta sẽ bỏ qua nghi lễ mở buồng bông cau, và trong lúc làm lễ cột chỉ cổ tay, người ta bỏ qua nghi thức cầm đèn cầy xoay 7 vòng theo chiều kim đồng hồ, để mời ông bà bảy đời về chứng kiến đám cưới của con cháu còn nhiều nghi thức khác vẫn diễn ra bình thường). Tuy

nhiên, đối với những người gặp trường hợp trên, về sau trong dòng tộc có người đám cưới, người này không được mời ngồi bàn thông gia, mà ngồi bàn ở ngoài sân như bao người khách đến dự tiệc. Khi nào cưới gả con, cháu ruột người này mới được ngồi bàn thông gia.

Người Khmer An Giang thường tổ chức đám cưới trong 6 tháng đầu năm Dương lịch, đặc biệt trong các tháng 1, 2, 3, 4, 5 Dương lịch. Tuyệt đối không đám cưới vào những tháng “Vasaa”, tức là những tháng “Vào mưa” trong mùa nhập hạ của sư sãi (từ 15/6 đến 15/9 Âm lịch).

Tuổi hợp nhau để kết hôn, chọn ngày, tháng để đám cưới, hướng đi khi đưa rể sang nhà gái được người Khmer An Giang tính như sau:

Tuổi hợp nhau để kết hôn: Người ta lấy tuổi người nam cộng tuổi người nữ, rồi chia cho 7. Nếu số dư là: 2, 4, 5, 6 là hợp tuổi; còn số dư: 0, 1, 3, 7 là không hợp tuổi.

Ví dụ: Nam 18 tuổi, nữ 16 tuổi ((18 + 16) : 7) = 34 : 7 số dư còn lại là 6 (tuổi này hợp, kết hôn được).

Coi tháng tốt để tổ chức lễ cưới: Lấy tuổi người nam cộng tuổi người nữ và cộng tháng dự định tổ chức đám cưới (Tất cả tính theo Dương lịch) rồi chia cho 3. Nếu số dư ứng với: 1, 2, 4, 5, 6, 7 là tốt sẽ cưới được. Nếu khác các số này, bắt buộc nhà trai và nhà gái bàn tính, chuyển đám cưới sang tháng khác cho ứng với một trong những con số kể trên.

Coi ngày tốt để làm lễ cưới: Ở đây, người ta dựa trên ngày, tháng, năm sinh của đôi trai gái vào ngày trăng tròn hay trăng khuyết. Nếu ngày trăng tròn thì hợp với các ngày như: 7, 9, 11, 13; còn trăng khuyết là: 2, 4, 8, 10, 12. Ngoài ra, người Khmer có quan niệm rằng, trong mỗi tháng có 08 ngày tốt để tổ chức lễ cưới, đó là: 2, 4, 6, 10, 11, 13, 14 và 15 (Trăng tròn).

Coi hướng tốt để đưa rể sang nhà gái: Việc đưa rể sang nhà gái cũng phải xem hướng tốt để xuất phát. Theo phong tục có 08 hướng để xuất phát, tuy nhiên, mỗi hướng phù hợp với mỗi

ngày trong tuần như sau: thứ Hai: đi từ Nam đến Tây; thứ Ba và thứ Tư: đi theo hướng Đông Bắc; thứ Năm: đi theo hướng Đông; thứ Sáu: đi theo hướng Đông Nam; thứ Bảy: đi từ hướng Nam và Chủ Nhật: đi từ hướng Bắc (Lưu ý: Nếu hướng đi không tiện, thì cố gắng đi vài bước, sau đó trở lại đi theo hướng thuận tiện. Bởi vì, đây là phong tục, tập quán cần phải giữ).

Người Khmer ở An Giang vẫn giữ tục lệ của chế độ mẫu hệ nên vai trò của người phụ nữ được xem quan trọng hơn người đàn ông. Xưa kia, người con trai chưa trải qua thời gian vào chùa tu học, chẳng bao giờ được cô gái hay người khác ưng thuận gả con. Ngoại trừ, có một số trường hợp không vào chùa tu nhưng vẫn được gả con đó là: Do gia đình quá nghèo nên người thanh niên này phải ở nhà lao động vất vả để nuôi cha mẹ; người thanh niên vào chùa học kinh không thuộc nên Sư Cả cho rời chùa về nhà.

Trước kia, người Khmer An Giang tổ chức đám cưới phải thực hiện các nghi lễ như sau: lễ dạm hỏi (Si s'la dok); lễ ăn hỏi (Si s'la kanhsêng); lễ xin cưới (Si s'la banh-cheak peak) và cuối cùng là lễ cưới (Si s'la com-not).

2.1. Lễ dạm hỏi (Si s'la dok)

Xưa kia, trong nhà có con trai trưởng thành, cha mẹ thường tìm cô gái đức hạnh và nhờ mai mối để cưới cho con, hoặc bạn bè hứa kết tình thông gia khi 2 trẻ còn nhỏ, ít khi trai gái quen biết rồi kết hôn. Người được chọn làm mai mối, thường là người phụ nữ có uy tín, ăn nói khéo léo, vợ chồng hạnh phúc, con, cháu đông đúc và ngoan hiền.

Đến ngày đã định, bà mai (Che chau) cùng một ít người thuộc dòng họ nhà trai sang nhà gái dò ý và đặt vấn đề hôn nhân. Chuyến đi này không cần mang lễ vật. Nếu nhà gái đồng ý, bà mai tiếp lời hỏi tuổi tác của cô dâu và sinh lễ nhà gái yêu cầu như thế nào.

Sau khi biết được tuổi tác và yêu cầu sinh lễ của nhà gái, bà mai về thông báo cho nhà trai. Nếu nhà trai đồng ý, hai bên cùng tiến hành đi

xem tuổi của cô gái và chàng trai. Trường hợp nhà trai không đồng tình hay không đủ khả năng đáp ứng sinh lễ theo yêu cầu nhà gái, nhà trai có quyền từ chối khéo léo với lý do gia cảnh không đủ khả năng... Tuy nhiên, trường hợp này rất ít xảy ra, thông thường tùy vào khả năng gia cảnh của nhà trai mà sinh lễ cô dâu nhận được nhiều hay ít, chứ nhà gái ít yêu cầu. Ngoại trừ nhà gái quá giàu hoặc không muốn gả con nên từ chối khéo bằng cách yêu cầu nhà trai đáp ứng nhiều sinh lễ.

Theo phong tục của người Khmer, khi con gái lấy chồng phải có của hồi môn (trừ trường hợp nhà nghèo, không có tài sản). Của hồi môn của cô gái, thường trị giá ngang bằng với sinh lễ nhà trai cho con dâu, vì vậy, nhiều gia đình kinh tế chỉ đủ ăn, không có của dư thừa nhiều, nhà gái ít yêu cầu về sinh lễ với nhà trai. Cũng có một số ít gia đình nhà gái giàu có không yêu cầu sinh lễ đối với nhà trai nhưng của hồi môn lại nặng ký hơn sinh lễ nhà trai cho cô dâu.

Trước đây, phần nhiều nhà gái yêu cầu nhà trai bỏ vốn cất nhà riêng cho đôi vợ chồng trẻ, nhà gái lo nền nhà. Tuy nhiên tùy theo gia cảnh, nhà trai có thể đáp ứng theo yêu cầu của nhà gái hay tặng quà cho con dâu nhiều hơn. Trường hợp nhà trai không đủ khả năng đáp ứng theo yêu cầu của nhà gái, lúc này nhà gái cũng phụ tiếp để cất ngôi nhà cho vợ chồng trẻ ở riêng. Nếu cả gia đình hai bên quá nghèo, sau đám cưới, đôi vợ chồng trẻ này ở chung nhà cha mẹ vợ đến khi nào có tiền rồi cất nhà ở riêng.

Khi phần sinh lễ hai bên đã thống nhất, việc đi xem tuổi được diễn ra. Nếu tuổi của cô gái và chàng trai hợp, thì tiến hành lễ ăn hỏi. Còn tuổi không hợp, hai bên ngưng lại, xem như đám cưới không thành.

2.2. Lễ ăn hỏi (Si s'la kanh-sêng)

Sau khi xem tuổi cô gái và chàng trai hợp, hai nhà định ngày tiến hành lễ ăn hỏi. Lễ ăn hỏi được xem là nghi lễ đầu tiên của hôn nhân. Tùy theo gia cảnh của hai gia đình mà lễ ăn hỏi diễn ra lớn, nhỏ khác nhau. Đối với gia đình giàu, số lượng người nhà trai sang nhà gái từ 30 đến 40

người; đối với gia đình đủ ăn số người đi dự từ 10 đến 15 người. Lễ vật nhà trai mang sang nhà gái gồm: trầu cau, thịt heo (Buộc phải có nọng heo), gà, vịt, thuốc hút, đèn cầy, rượu, bánh tét, bánh ít, dưa hấu, khóm... Tùy theo gia cảnh của nhà trai mà lễ vật đem sang nhà gái ít, nhiều khác nhau. Lễ vật thường được nhà trai đặt vào thúng rồi gánh (có thể 1, 2, 3 gánh, mỗi gánh là 2 thúng) sang nhà gái. Ở lễ này, nhà gái mời họ hàng đến dự và bà mai phải mời mọi người dùng trầu cau. Chi phí buổi tiệc do nhà gái đảm nhận. Khi nhà trai ra về, nhà gái biếu lại một ít lễ vật do nhà trai đem qua trước đó.

2.3. Lễ xin cưới (Si s'la banh-cheak peak)

Sau khi thực hiện nghi lễ ăn hỏi xong, nhà trai thương lượng nhà gái tiến hành lễ xin cưới. Trong lễ này, phần lễ vật nhà trai mang sang nhà gái cũng không khác so với lễ vật ở lễ ăn hỏi (trầu cau, thịt heo, gà, vịt, thuốc hút, đèn cầy, rượu, bánh tét, bánh ít, dưa hấu, khóm...). Ngoài ra, nhà trai mang theo nhẫn cưới, khăn, áo, váy cho cô dâu. Có một ít đám cưới khi thực hiện lễ xin cưới nhà trai giao một phần sinh lễ đã hứa cho cô dâu ở lễ dạm hỏi như: vàng, tiền, giấy tờ đất (giấy viết tay), phần còn lại đến ngày lễ cưới nhà trai sẽ giao đủ cho cô dâu. Ý nghĩa việc đeo nhẫn cưới là nhắc nhở cô dâu và thông báo cho mọi người biết là mình đã có chồng. Do vậy, dù giàu hay nghèo người Khmer cũng phải tiến hành lễ xin cưới mới được xem là đúng nghi thức phong tục.

Sau lễ xin cưới chú rể sang nhà gái ở rể từ 1 đến 2 hoặc 3 năm. Mỗi năm đến ngày lễ Đôn-ta, nhà trai phải gánh lễ vật (thịt, trái cây, bánh) sang thăm nhà gái. Tùy điều kiện kinh tế gia cảnh mà nhà trai mang lễ vật ít nhiều, đơn giản hay cầu kỳ. Trường hợp nhà trai không sang thăm được, phải thông báo cho nhà gái biết và nói rõ lý do, nếu không, nhà gái có quyền từ hôn. Trong thời gian ở rể, người nam tỏ ra lười biếng, nhậu nhẹt, thô lỗ, trộm cắp... nhà gái có quyền hồi hôn. Trường hợp nhà gái hồi hôn do nhà trai sai phạm, phần sinh lễ trước đây nhà trai cho cô dâu, nhà gái không hoàn lại.

Trong thời gian ở rể, gia đình hai bên có người mất hay xảy ra biến cố, dẫn đến không đủ điều kiện tiến hành lễ cưới, lúc này có thể làm buổi tiệc nhỏ, nhưng ít nhất cũng phải có mâm cơm để cúng tổ tiên, ông bà gồm: 4 chén cơm, 4 chén canh, 2 con gà luộc.

2.4. Lễ cưới (Si s'la com-not)

Có hai hình thức tổ chức đám cưới. Đám cưới Pơ-Ran (đám cưới truyền thống) và đám cưới Lơ-T'rai (đám cưới hiện đại). Trong bài này, tác giả xin đề cập về đám cưới truyền thống (Pơ-Ran).

Hòa Thượng Châu Sơn Hy - Trụ trì chùa Sà Lôn (xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang) cho biết: “Từ năm 1980 trở về trước, đám cưới của người Khmer An Giang thường được tổ chức 3 ngày, với nhiều nghi thức và thủ tục. Trong đám cưới này có 3 người hướng dẫn: Ông Achar Pelia (Thầy lễ) và hai ông Maha (người đại diện trưởng tộc nhà trai và nhà gái). Vai trò của bà mai không còn xuất hiện ở lễ cưới”.

2.4.1. Ngày nhập gia (Th'ngay chól-rôn) còn gọi là ngày dựng rạp

Do tất cả các nghi thức đều diễn ra bên nhà gái nên nhà gái phải sửa sang nhà cửa, phòng cưới chu đáo. Đến ngày nhập gia, nhà trai cử người sang phụ nhà gái dựng rạp, trang trí nhà cửa. Theo phong tục xưa, rạp cưới phải rộng, vừa để đãi khách, vừa để làm nơi nấu ăn và phải có chỗ để chú rể cũng như nhà trai nghỉ ngơi.

Cùng lúc đó, bên nhà trai tiến hành làm bánh tét, bánh ít, bánh gừng, chuẩn bị lễ vật để hôm sau mang sang nhà gái. Dù nghèo hay giàu, dù sinh lễ ít hay nhiều, dù đơn giản hay cầu kỳ thì trong ngày lễ cưới buộc phải có trầu cau, đầu heo và buồng hoa cau.

Đến 18 giờ nhà gái tiến hành làm lễ chọn chỗ (Sen pale) để tổ chức đám cưới. Trong lễ này gia chủ phải chuẩn bị 4 mâm (2 mâm cơm và 2 mâm canh) để cúng. Ngoài ra, người ta làm lễ cúng tổ tiên, xin phép ông bà cho con gái đi lấy chồng.

Buổi tối khoảng 19 giờ, nhà gái tổ chức tiệc trà, bánh để chiêu đãi bạn bè cô dâu chú rể và họ hàng hai bên. Họ mời cả dàn nhạc dân tộc đến biểu diễn ca hát thâu đêm, kéo dài tới 2 hoặc 3 giờ sáng. Đây cũng là dịp nam nữ Khmer gặp nhau và làm quen.

2.4.2. Ngày cưới (Th'ngay si com-not) còn gọi là ngày đưa rể

a. Lễ dâng cơm, sót bát cho nhà sư (Raep bat)

Nghi thức dâng cơm cho Sư thông thường được diễn ra vào lúc 7 giờ sáng và tùy theo gia cảnh, đám cưới lớn, nhỏ mà nhà gái mời từ 4, 6, 8, 10 vị sư. Tuy nhiên, tùy theo quan niệm mỗi nơi mà có 2 cách thực hiện. Trường hợp thứ nhất, gia chủ mời sư đến dùng cơm tại nhà; trường hợp thứ hai, gia chủ mời sư đến nhà khát thực (tại xã An Hào, huyện Tịnh Biên, An Giang). Ở trường hợp thứ nhất, Sư đến dùng cơm tại nhà rồi quay về chùa; trường hợp thứ hai, Sư đến trước cổng nhà cầm bình bát khát thực. Đối với trường hợp thứ hai, khi Sư đến nhà khát thực, cô dâu chú rể cùng cha mẹ và họ hàng hai bên ra thực hiện nghi thức sót cơm cho sư (mỗi lần sót cơm dùng muỗng mút để vào bát một lần. Vì vậy, mọi người xếp hàng đi sót cơm cho đến khi nào bát của quý sư đầy mới ngưng), sau khi bát đã đầy cơm, quý sư quay về chùa. Riêng phần thức ăn, gia chủ gửi cho đệ tử của quý sư mang về sau.

Vì sao có tục lệ sư đến nhà khát thực? Theo truyền thuyết kể lại: “Dưới thời Đức Phật, có một đám cưới đang tiến hành thì Đức Phật khát thực đi ngang qua, chú rể đưa cơm cho Phật, nhưng khi gặp Phật chú rể giác ngộ và theo Phật về chùa qui y, do đó đám cưới không thành” (Đặng, 2002, tr. 68). Từ đó, mỗi khi có đám cưới mà sư đến nhà khát thực, không chỉ chú rể mà cả cô dâu cùng cha mẹ và họ hàng hai bên đều mang cơm ra sót cho sư.

b. Lễ thức đưa rể sang nhà gái (Heph'le chho)

Khoảng 8 giờ sáng, dưới sự hướng dẫn của ông Achar Plia và hai ông Maha, nhà trai đưa rể sang nhà gái. Việc đưa rể phải thực hiện đi đứng

hướng như đã định (đã đề cập phần trước). Nếu nhà chú rể không nằm vị trí đúng hướng, hay cách quá xa nhà gái, nhà trai có thể mượn nhà người khác cho tiện và tuân thủ khi xuất phát phải đúng hướng. Đoàn đưa rể gồm: cha, mẹ, họ hàng, thanh niên, thiếu nữ nhà trai. Tùy theo gia cảnh mà lễ vật nhà trai mang sang nhà gái từ 12 hay 24, 36 hoặc 60 mâm (gồm: trâu cau, thịt heo, vịt luộc, gà luộc, rượu, thuốc lá, bánh tét, bánh ít, xoài, mận, quýt, chôm chôm, măng cụt và buồng hoa cau). Tất cả lễ vật phải đủ đôi, trong các lễ vật kể trên, buồng hoa cau được xem là lễ vật quý nhất. Trên mâm buồng hoa cau có phủ tấm vải đỏ thể hiện sự trang trọng, trên tấm vải đỏ có để thanh kiếm - mâm lễ vật này chính tay chú rể bung. Đám cưới của người Khmer nhà trai không chuẩn bị mùng, mền, chiếu, gối mà những vật này do nhà gái chuẩn bị. Ngoài ra, nhà trai phải đem đủ số sính lễ trước đó đã hứa tặng cô dâu trong dịp lễ dạm hỏi. Để tăng thêm sự sinh động vui vẻ, nhà trai mang theo dàn nhạc dân tộc để hát những bài hát truyền thống trong lễ cưới.

c. Lễ múa mở cổng rào (Răm bot rô-bon)

Trước khi đoàn đưa rể đến, nhà gái sẽ rào cổng bằng một nhánh tre. Khi đến trước cổng nhà gái, nhà trai muốn vào được thì ông Maha bung mâm lễ vật dâng cho nhà gái và nói lời cầu xin: xin đất làm nhà, xin giếng múc nước. Tuy nhiên, nhà gái vẫn chưa mở cổng rào, vì vậy ông Maha phải đứng ra múa mở cổng rào (Răm Bơ Krôbâng). Khi múa xong đủ ba điệu, nhà gái mới mở cổng. Ý nghĩa của việc mở cổng rào là “Tượng trưng cho sự tinh khiết của người con gái chưa hề giao tiếp với ai bên ngoài” (Ban Chỉ đạo phong trào đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Tri Tôn, 2006, tr. 66). Bên cạnh đó, việc mở cổng rào bắt nguồn từ truyện cổ tích của người Khmer: “Ngày xưa có hai người bạn chơi thân với nhau lâu năm. Một hôm trong giây phút hưng phấn, hai người bạn hứa gả con cho nhau để tình thân càng thêm thắm thiết. Người bạn có con trai vô cùng mừng rỡ, về chuẩn bị đầy đủ lễ vật cưới. Sáng hôm sau, ông ta đưa con trai và

các lễ vật sang nhà người bạn có con gái để làm đám cưới. Việc làm quá đột ngột này đã làm cho bà vợ của người bạn có con gái nổi giận. Bà liền sai gia nhân lấy ngọn tre ra rào cổng lại. Thấy thế người chồng mới kể lể sự việc đã qua và năn nỉ bà vợ hãy chấp nhận đám cưới này. Nể tình, bà vợ bằng lòng nhưng phạt người bạn của chồng vì tội xin cưới con gái mà không cho bà biết với hình thức một mâm cơm rượu, bánh trái và phải múa hát cho bà nghe” (Đặng, 2002, tr. 64). Từ đó, trong đám cưới của người Khmer có tục múa mở cổng rào. Sau khi cổng rào được mở, cô dâu ra đón chú rể, rồi hai người cầm bông cau đi vào nhà. Trong lúc này, em cô dâu bung nước trà mời anh rể uống. Sau khi ông Achar Plia cúng xong, chú rể được bố trí ngồi một nơi được chỉ định. Khi Achar Plia hướng dẫn vào làm lễ, lúc này chú rể mới được phép bước vào nhà và cúng, lạy bàn thờ tổ tiên để được công nhận là thành viên trong gia đình.

d. Lễ trình diện Neak Tà (Pithi Neak Tà)

Sau khi thực hiện lễ mở cổng rào xong, khoảng 9 giờ ông Achar Plia cùng chú rể và một số bạn bè của cô dâu và chú rể mang lễ vật gồm: đầu heo luộc, trâu, cau, rượu, trà cùng dàn nhạc cưới đến chỗ thờ Neak Tà (Thần hộ mệnh của phum, sóc). Địa điểm thờ Neak Tà của phum, sóc thường là nơi có cây cổ thụ to giữa đồng vắng. Sau đó, đầu heo luộc phải mang tặng cho Achar Plia. Ý nghĩa của việc trình diện Neak Tà “Là mong được công nhận trở thành thành viên mới của phum, sóc” (Nguyễn, 2007, tr. 57).

e. Lễ cắt tóc (Pithi cắt sóc)

Lễ cắt tóc diễn ra khoảng 10 giờ, sau khi chú rể đi dự lễ trình Neak Tà. Lễ được diễn ra mang hình thức tượng trưng, dưới sự thực hiện của hai thành viên trong dàn nhạc. Một người cầm kéo và lược, một người cầm nước vừa múa, vừa hát bài hát cắt tóc kèm theo động tác mô phỏng cắt tóc, rửa mặt, rửa tay. Sau hai người này, cha mẹ hai bên lần lượt cắt tóc cho cô dâu chú rể. Tuy nhiên cũng theo quan niệm của mỗi ông Achar Plia mà lễ cắt tóc diễn ra hai cách. Cách thứ nhất, chú rể

cắt tóc ở phía dưới nhà, cô dâu cắt tóc phía trên nhà; cách thứ hai, chú rể và cô dâu đều cắt tóc ở phía trên nhà.

Khoảng 13 giờ chiều nhà gái tiến hành đãi tiệc cho bà con, quan khách, bạn bè hai họ. Lúc này cô dâu chú rể đến từng bàn tiệc chào hỏi, ra mắt hai họ. Tiệc này có thể kéo dài đến 17 giờ.

f. Lễ tụng kinh cầu phúc (Dekkhima núp ba tean)

Đến 18 giờ trong ngày, gia đình mời sư đến tụng kinh cầu phúc cho cô dâu chú rể với sự tham dự của cha mẹ và họ hàng hai bên. Dưới sự hướng dẫn của ông Achar Plia và ông Maha, cô dâu chú rể ngồi vào vị trí được sắp xếp. Cô dâu ngồi đối diện với sư, chú rể ngồi phía bên trái ông Achar Plia. Cô dâu và chú rể ngồi xấp bằng, người cúi xuống, tay hai tay lên gối, chắp tay lạy và chú ý lắng nghe sư đọc kinh chúc phúc. Kinh chúc phúc có nội dung chúc cô dâu chú rể luôn được bình an, vợ chồng sống phải chung thủy, sống hiếu thảo với cha mẹ hai bên và không quên ơn những người quá cố.

g. Lễ nhuộm răng (Pithi th'vor th'mênh)

Theo ông Chau Kung - Achar Plia chùa Sà Lôn cho biết: “Trước kia lễ nhuộm răng cho cô dâu được tiến hành vào khoảng 21 giờ 30 phút. Mục đích việc nhuộm răng nhằm nhắc cô dâu sau khi có chồng, trước khi nói chuyện phải suy nghĩ cẩn thận, đừng thốt ra lời “Không hay, ý không đẹp” làm phật lòng bên chồng hoặc đừng “Lắm lời, nhiều chuyện” sẽ không đem lại lợi ích, không khéo mang lại nhiều rắc rối cho bản thân”. Ngoài ra, việc nhuộm răng còn xuất phát từ truyền thuyết của người Khmer trong truyện Hoàng tử Thông lấy công chúa Rắn. “Vôn răng Rắn có nhiều nọc độc, vì vậy việc nhuộm răng cũng là phép dùng thuốc khử nọc độc của Rắn” (Trương, 1993, tr. 124).

h. Lễ tri ân cha mẹ (Pithi chum pilia)

Thành phần tham dự lễ tri ân cha mẹ gồm: cô dâu, chú rể, ông Achar Plia cùng cha mẹ hai bên. Ông Achar Plia dạy bảo cô dâu chú rể phải

nhớ ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, phải biết kính trọng và cư xử đúng theo đạo lý làm con. Ngoài ra, cô dâu thực hiện nghi thức đứng che dù và dâng trầu cau cho mẹ ruột (trường hợp mẹ mất, người di hoặc người cô thay thế). Dựa vào gia cảnh nhà trai (giàu, đủ ăn, nghèo) mà gửi cho nhà gái một khoản tiền nhỏ, khoản tiền này được đặt trong mâm trầu và cô dâu chính là người dâng lên cho mẹ mình. Số tiền trên gọi là tiền đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục. Đồng thời, sau đám cưới, số tiền này tặng riêng cho cha mẹ ruột cô dâu (Điều lưu ý là, nếu cha mẹ ruột đã mất thì người thân nhất sẽ được nhận). Đây là luật tục của người Khmer!

2.4.3. Ngày lễ lạy (Pithi Sampas)

a. Lễ đón giờ tốt (Pithi Dók pèhea)

Theo Hòa thượng Chau Sơn Hy: “Khoảng 5 giờ sáng, dưới sự chỉ dẫn của ông Maha chú rể đến bàn thờ tổ tiên vái, lạy. Sau đó, chú rể đến bàn Trời (Tevada) đặt quay hướng đông để đón giờ tốt. Khi giờ tốt đến, ông Achar Plia đánh một tiếng cồng báo hiệu và chú rể được hướng dẫn đi vào nhà. Khi vào nhà, chú rể tiến hành lễ tổ tiên, bên nhà gái đón nhận các lễ vật: 3 ly trầu cau, đèn cầy, nhang. Tiếp đó dàn nhạc được mở lên và tấu bài múa mở buổi cô dâu, dưới sự hướng dẫn ông Maha cô dâu từ trong buồng đi ra ngồi cạnh chú rể.

b. Lễ xoay vòng đèn (Bon-vêlPô-pil)

Sau khi cô dâu ra ngồi bên cạnh chú rể, ông Achar Plia cầm đèn cầy quay (quay theo chiều kim đồng hồ) và chuyển cho 9 người (4 nam, 5 nữ), những người này đã có gia đình và còn đủ đôi, vợ chồng hạnh phúc, con, cháu ngoan hiền. Họ được sắp xếp ngồi ở đó và quay đủ 9 vòng (Bon Pil purl), vừa quay vừa đọc kinh Phật chúc phúc cô dâu, chú rể. Tiếp theo, ông Achar Plia thực hiện nghi lễ cắt buồng hoa cau.

c. Lễ mở buồng hoa cau (Pithi cắt ph'ca sla)

Như đã trình bày trên, hoa cau là vật quan trọng, không thể thiếu được. Hoa cau vừa tượng

trung cho sự trong trắng của người con gái, vừa biểu thị lòng biết ơn đối với cha mẹ, anh chị. Vì vậy, lễ mở hoa cau được tiến hành rất thiêng liêng, trang trọng.

Người thực hiện mở hoa cau không ai khác là mẹ cô dâu, người có công sinh thành, dưỡng dục. Dưới sự hướng dẫn của ông Maha, mẹ cô dâu cầm 3 nén nhang, khấn cầu xin ơn trên ban điều tốt lành cho con của mình, bà xúc nước thơm lên bông cau, vuốt 3 lần, sau đó dùng tay rạch 3 đường dọc theo bông cau. Ông Achar Plia xúc nước thơm lên hoa cau lần nữa rồi tách nhẹ bông cau ra. Bông hoa cau chia thành 3 bó: bó tượng trưng công cha, bó tượng trưng nghĩa mẹ, bó tượng trưng ơn anh và tất cả được đem cắm vào bình hoa. Sau là nghi thức lễ rắc hoa cau.

d. Lễ rắc hoa cau (Pithi Bach ph'ca sla)

Hoa cau tượng trưng cho sự tinh khiết, trong trắng, thanh cao của người con gái. Hoa cau được ông Maha tách ra, sau đó cha mẹ và họ hàng hai bên rắc lên người, chỗ ngồi của cô dâu chú rể, kể cả đường đi đến phòng tân hôn. Ý nghĩa của lễ rắc hoa cau là chúc phúc cho cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

e. Lễ múa mở mâm trầu (Răm bot bay sây) và lễ rút gươm ra khỏi bao (Đor Pô-pil).

Ý nghĩa của lễ mở mâm trầu là cho phép cô dâu chú rể nên nghĩa vợ chồng. Đối với lễ rút gươm ra khỏi bao với ý nghĩa, hạnh phúc chân chính luôn chiến thắng gian tà và được sức mạnh lưỡi gươm bảo vệ. Nghi thức này do ông Maha thực hiện. “Ông quán xà rộng, khi nhạc nổi lên ông cúng lạy và uyển chuyển múa theo điệu nhạc. Cùng với động tác múa, ông cầm thanh gươm, tuốt ra khỏi vỏ, dùng đầu mũi thanh gươm gõ khấn đập trên mâm trầu và hát. Hát xong, ông nhẹ nhàng đặt thanh gươm lên đôi tay cô dâu chú rể. Với điệu múa trao thanh đao cho cô dâu chú rể, ý nói sức mạnh chính nghĩa sẽ chiến thắng gian tà, hạnh phúc chân chính được sức mạnh thanh đao bảo vệ” (Đặng, 2002, tr. 76).

f. Lễ cột chỉ cổ tay (Pithi chonday)

Dưới sự thực hiện và hướng dẫn của ông Maha, cha mẹ hai bên tiến hành cột chỉ cổ tay cho cô dâu chú rể. Cha mẹ chồng cột cho cô dâu (cha cột tay phải, mẹ cột tay trái); cha mẹ vợ cột cho chú rể (cách thức giống như cha mẹ chồng cột cho cô dâu). Đối với họ hàng hai bên không cột chỉ cổ tay mà đưa quà tặng cho cô dâu chú rể như: vàng, tiền,.. lúa (Việc này có 1 người ghi chép sổ sách. Cô, dì, chú, bác cho quà gì, bao nhiêu người đó ghi rõ vào sổ. Trường hợp cho lúa, có thể sau ngày cưới cô dâu chú rể đến từng nhà nhận, có khi chờ đến mùa, khi lúa đã gặt xong). Theo tập tục, mỗi lần được cột chỉ cổ tay hay tặng quà, cô dâu chú rể phải vái, lạy ba lần để tạ ơn. Lễ cột chỉ cổ tay còn mang ý nghĩa chúc cô dâu và chú rể gắn bó với nhau suốt đời. Ngoài ra, tục cột chỉ cổ tay có từ truyền thuyết về Pras Thoông và công chúa Rắn Neang Neak. Truyện kể rằng: “Khi Pras Thoông xuống đến thủy cung, vua thủy tề vừa thấy đã có lòng yêu mến nên Ngài đã bằng lòng cho chàng cưới Neang Neak (Công chúa Rắn). Nhà vua cho mở yến tiệc, làm lễ buộc chỉ cổ tay để chúc phúc đôi trẻ trăm năm hạnh phúc” (Lê, 2015, tr. 39).

Trong đám cưới của người Khmer An Giang, chỉ cổ tay cho cô dâu chú rể luôn là màu đỏ. Đối với người Khmer ở một số tỉnh như: Trà Vinh, Sóc Trăng chỉ cổ tay có màu đỏ lẫn màu trắng. Màu đỏ (dùng cho cha mẹ hai bên cột cho cô dâu, chú rể), màu trắng (dùng cho họ hàng hai bên của cô dâu chú rể). Trong lúc làm lễ cột chỉ cổ tay, người ta chọn 6 ông, 6 bà (còn đủ vợ chồng, gia đình hạnh phúc, con cháu đông và ngoan hiền) ngồi xung quanh cô dâu chú rể và cầm đèn cầy xoay 7 vòng theo chiều kim đồng hồ để mời ông bà bày đời về chứng kiến đám cưới của con cháu. Trong trường hợp cô dâu có ghen hay một trong hai người (cô dâu, chú rể) có người kết hôn lần hai thì nghi thức này bỏ qua. Ở trường hợp 1 nếu thực hiện nghi thức này, khi đứa bé sinh ra sẽ không minh mẫn; ở trường hợp 2, tổ tiên, ông bà sẽ không về chứng kiến, vì tổ tiên, ông bà chỉ chứng kiến một lần ở lần kết hôn lần đầu của mỗi người con cháu.

g. Lễ nhập phòng (Phsam đâm nêk)

Sau khi thực hiện lễ cột chỉ cổ tay, ông Maha hướng dẫn cô dâu chú rể theo đường đã rắc hoa cau vào phòng tân hôn. Cô dâu đi trước, tay cầm đĩa Paipolung (tượng trưng cho linh hồn của cô dâu) gồm: vải, gạo, nhang, đèn, lá trầu, chuối. Chú rể nắm vạt áo cô dâu bước theo sau. Lễ này có ý nghĩa xuất phát từ nguồn gốc mẫu hệ, thời kỳ phụ nữ làm chủ và luôn đi đầu trong công việc. Ngoài ra cũng có liên quan đến truyền thuyết, Preah Thoông - Neang Neak: “Hoàng tử Thoông lấy công chúa tên là Nagavati, là con của Long vương. Sau khi kết hôn với nhau, lúc trở về Long cung hai người gặp khó khăn, vì hoàng tử chỉ quen sống trên cạn không xuống dưới nước được. Công chúa mới nghĩ ra kế cho chồng nắm khăn choàng của mình, rồi hai người cùng rẽ nước đi xuống Long cung. Nhờ kế đó, hai vợ chồng công chúa mới xuống được Long cung để ra mắt vua cha” (Son & Son, 1998, tr. 68).

h. Lễ dâng cơm cho ông bà, cha mẹ (La véu tus)

Đây là một nghi lễ thể hiện lòng biết ơn sinh thành, dưỡng dục của con cháu đối với ông bà, cha mẹ. Ngoài ra, còn có ý nghĩa là xin tổ tiên, ông bà, cha mẹ đồng ý tác hợp cho hai trẻ nên vợ nên chồng. Sau khi cơm và thức ăn đã được dọn sẵn, cô dâu xới cơm và bưng chén cơm, canh đưa cho cha mẹ của chú rể và ngược lại chú rể nhận chén cơm, canh từ tay cô dâu đưa cho cha mẹ cô dâu và lấy thức ăn mời ông bà, cha mẹ hai bên. Lúc này, cô dâu cùng chú rể được ông bà, cha mẹ hai bên chúc trăm năm hạnh phúc. Sau khi ông bà, cha mẹ dùng xong thì đi ra ngoài, lúc này, cô dâu chú rể mới được dùng. Mâm cơm này phải được bố trí ngay trước bàn thờ tổ tiên.

i. Lễ quét chiếu (Sa kate)

Theo ông Chau Kung - Achar Plia chùa Sà Lôn: “Trước đây, lễ quét chiếu (Sa kate) tiến hành khoảng 18 giờ (Hiện nay ở An Giang, lễ này được tiến hành sau tổ chức tiệc buổi sáng). Khi cô dâu chú rể vào phòng, có 3 người phụ

nữ lớn tuổi hơn cô dâu chú rể (gia đình âm yêm, vợ chồng đầy đủ, con, cháu ngoan hiền) mang chiếu ra nói: “Chiếu này chiếu vàng, chiếu bạc, ai được nằm trên chiếu sẽ làm ăn khá giả, đông con”. Sau đó, chú rể đứng ra mua chiếu. Chú rể trải chiếu mời ông Maha và cô dâu cùng ngồi. Tiếp đó, ông Maha giáo huấn vợ chồng phải cư xử tốt và thủy chung với nhau suốt đời. Để cảm ơn ông Maha, chú rể và cô dâu sẽ đặt tiền hoặc lễ vật có giá trị biểu ông Maha”.

j. Lễ chung giường (Phsom đom-nêk)

Sau lễ quét chiếu người ta tổ chức lễ chung giường cho cô dâu chú rể. Theo phong tục, chọn 3 người phụ nữ cao tuổi (có nhiều kinh nghiệm, gia đình thuận hòa, chồng vợ đầy đủ, con cháu ngoan hiền) đến phòng tân hôn và ngồi xen kẽ giữa cô dâu, chú rể. Vợ chồng mới cưới này tiến hành thắp nhang đèn và cả 3 người phụ nữ đều chúc phúc cho vợ chồng mới trăm năm hạnh phúc. Cùng lúc đó, người ta lấy trà, bánh đem cúng tổ tiên rồi mang đến cho cô dâu chú rể ăn. Ngoài ra, cô dâu chú rể còn dứt cơm vát, chuối, trái cây, nước dừa cho nhau ăn uống thể hiện tình yêu thương đậm đà và gắn bó của đôi vợ chồng. Sau khi ăn uống xong, cô dâu chú rể vào giường, người vợ vào trước, người chồng theo sau. Sau khi hướng dẫn hai vợ chồng cách trải chiếu, giăng mùng, nằm ngủ (chú rể nằm bên tay phải, cô dâu nằm bên tay trái) thể hiện cả hai vợ chồng tôn trọng lẫn nhau. Lúc này, 3 người phụ nữ đi ra ngoài. Nghi lễ đám cưới đến đây xem như đã kết thúc.

Sau đám cưới 3 ngày, cô dâu chú rể mang cơm lên chùa dâng Sư Cả, nhằm đền ơn trước đây Sư nuôi, dạy chú rể khi ở chùa. Tại đây, cô dâu và chú rể được Sư Cả làm lễ chúc phúc cho đôi vợ chồng trẻ cùng với sự tham gia của cha mẹ, họ hàng hai bên (thông thường họ hàng hay hàng xóm gần nhà bên vợ là chủ yếu).

Sau đám cưới cô dâu làm bánh Nôm Klahn đem biếu bà con bên chồng. Nguyên liệu để làm bánh gồm: bột gạo, bột nếp, đường, muối, men, nước cốt dừa, nước. Sau khi pha chế xong, dùng

mỡ chiên (người Kinh gọi bánh này là bánh Tai yến). Vì sao, sau khi đám cưới những cô dâu người Khmer thường làm bánh Nôm Klanh? Ông Chau Kung - Achar Plia chùa Sà Lôn cho rằng: “Trước khi đám cưới diễn ra, gia đình của người Khmer bao giờ cũng nuôi heo, bò. Vì vậy, trong đám cưới của người Khmer việc chế biến thức ăn từ thịt heo, thịt bò là không thể thiếu. Sau đám cưới số mỡ heo còn thừa khá nhiều, cô dâu tận dụng để làm bánh biếu họ hàng”. Nhân dịp này, cô dâu và chú rể được họ hàng bên nhà trai chúc phúc lần nữa qua hình thức cột chỉ cổ tay. Việc biếu bánh ngoài mục đích thể hiện trách nhiệm của nàng dâu đền ơn cha mẹ chồng, còn là dịp cô dâu ra mắt họ hàng bên chồng biết mình là thành viên mới trong gia đình.

3. Kết luận

Đám cưới truyền thống của người Khmer An Giang diễn ra với nhiều nghi thức phức tạp nhưng không kém phần đặc sắc. Mỗi nghi thức đều chứa đựng một ý nghĩa nhất định và nguồn gốc của nó xuất phát từ các truyền thuyết, truyện cổ tích đã đi vào lòng người. Điều này nói lên tinh thần trách nhiệm của cộng đồng trong việc chuẩn bị cho các thành viên trẻ bước vào giai đoạn mới của cuộc sống vợ chồng. Đám cưới truyền thống của người Khmer An Giang ngoài hình thức thông báo cho phum, sóc biết mối quan hệ của hai người từ nay trở thành vợ chồng, thì còn chứa đựng nhiều triết lý sống, các giá trị xã hội và nhân tố đạo đức. Vì thế, nó phản ánh rõ nét những đặc trưng văn hóa tộc người của người Khmer ở An Giang./.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chỉ đạo phong trào đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Tri Tôn. (2006). *Giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa Khmer Tri Tôn*.
- Ban Dân tộc tỉnh An Giang. (2019). *Báo cáo “Kết quả thực hiện công tác dân tộc các chính sách dân tộc”, tháng 12/2019*.
- Đặng, T. K. O. (2002). *Hôn nhân của người Khmer ở Đồng bằng Sông Cửu Long*. Luận văn Thạc sĩ Khoa học Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê, T. D. P. (2015). ““Sốt” và nghi thức “Chong - Đai” trong đời sống người Khmer Nam Bộ”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Nhân văn, số 20, tháng 12/2015, 36-42*.
- Nguyễn, V. L. (2007). *Những nghi lễ vòng đời chủ yếu của người Khmer xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Son, P. H., & Son, N. S. (1998). *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ*. NXB, Giáo dục.
- Trương, L. (1993). *Văn hóa người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: NXB Văn hóa dân tộc.
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. (2013). *Địa chí An Giang*.